

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2023 của huyện Tuy Phước cho phù hợp với Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2013 và Văn bản số 20/UBND-TH ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh

Kính gửi: Ban Thường vụ Huyện ủy.

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 13/12/2022 của Huyện ủy Tuy Phước và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/12/2022 của HĐND huyện Tuy Phước về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2023; Theo đó, trong năm 2023 HĐND huyện giao UBND huyện thực hiện 24 chỉ tiêu. Tuy nhiên đến ngày 03/01/2023, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 20/UBND-TH về việc thông báo một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 đối với các huyện, thị xã, thành phố và đến ngày 04/01/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Trong đó, có một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 tỉnh giao cho huyện thấp hoặc cao hơn chỉ tiêu HĐND huyện giao.

Do đó, để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất với các chỉ tiêu tỉnh giao cho huyện thực hiện trong năm 2023, UBND huyện Tuy Phước kính trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét cho ý kiến thống nhất để UBND huyện điều hành thực hiện theo chỉ tiêu UBND tỉnh giao; đồng thời, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phát triển KT-XH năm 2023 của huyện Tuy Phước tại kỳ họp gần nhất, cụ thể như sau:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023		KH năm 2023 sau khi điều chỉnh
			HĐND huyện giao (theo Nghị quyết số 14 của HĐND huyện)	UBND tỉnh giao (Văn bản số 20, QĐ số 19 của UBND tỉnh)	
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	66,00	68,00	68,00
2	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	-	10.536	10.536
3	Tạo việc làm cho lao động	Người	1.900	3.500	3.500

	<i>Trong đó:</i> Tạo việc làm mới	Người	-	1.900	1.900
	Tạo việc làm tăng thêm	Người	-	1.600	1.600
4	Đào tạo nghề lao động nông thôn	Người	350	500	500
	<i>Trong đó:</i> Đào tạo nghề theo các CT MTQG	Người	-	350	350
	Đào tạo nghề theo xã hội hóa	Người	-	150	150
5	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95,57	94,60 (theo QĐ số 19), 94,73 (theo Văn bản số 20)	94,76
6	Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm	%	-	1,72	1,72
	<i>Trong đó:</i> Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,00	1,00	1,00
	Giảm tỷ lệ hộ cận nghèo	%	-	0,72%	0,72%
7	Tỷ lệ người lao động tham gia BHXH	%	8,66	-	9,40
8	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	-	1.620	1.670
9	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	%	7,3	7,31	7,3
10	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch	%	87,44	85,08 (theo QĐ số 19), 87,49 (theo Văn bản số 20)	87,49

UBND huyện Tuy Phước kính báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Nam